

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Thực trạng môi trường của Hà Nội

1.1. Môi trường không khí

Hiện nay, môi trường không khí ở Hà Nội đang bị ô nhiễm bụi và đã được các nhà khoa học cảnh báo ở mức “báo động đỏ”. Kết quả quan trắc nồng độ bụi TSP, bụi PM₁₀ môi trường không khí xung quanh, nhất là tại các tuyến đường giao thông trên địa bàn Hà Nội vượt quy chuẩn cho phép. Biểu hiện rõ nét nhất là vào mùa đông, khi có gió mùa đông bắc. Khu vực đang xây dựng như đường Khuất Duy Tiên, Xuân Thủy, v.v. khu vực ngã ba có mật độ xe lưu thông cao là những nơi có nồng độ bụi lớn. Các khu vực ít bị ảnh hưởng bởi giao thông, công nghiệp nồng độ bụi dao động quanh mức quy chuẩn cho phép.

Nồng độ CO, SO₂, NO₂ tại Hà Nội cao tương ứng với các điểm quan trắc gần đường giao thông, gần các khu công nghiệp và nồng độ thấp hơn tương ứng với khu vực xa đường giao thông, xa khu công nghiệp. Đặc biệt tại các khu vực gần khu công nghiệp (Bắc Thăng Long, Sài Đồng, V.V.), cơ sở sản xuất trong nội thành nồng độ các khí độc hại đều cao. Tuy nhiên, nồng độ CO, SO₂, NO₂ còn ở mức cho phép. Một số khu vực nồng độ NO₂ có xu hướng giảm như Vạn Phúc, Hà Đông trong khi một số khu vực lại tăng lên như Mai Động. Nồng độ chì, benzen, toluen, xylen tại Hà Nội giảm dần từ năm 2001 trở lại đây khi không sử dụng xăng pha chì. Hiện nay tại một số điểm giao thông, nồng độ các chất này còn cao. Riêng nồng độ benzen đã vượt ngưỡng quy chuẩn Việt Nam.

Ô nhiễm không khí ở Hà Nội biến đổi theo thời tiết, mức độ ô nhiễm về mùa đông thường cao hơn mùa hè, nhất là vào tháng 12 và tháng 1. Trong mùa đông, dưới tác động của khí áp cao và xoáy nghịch, không khí bị tù hãm, thường xảy ra “nghịch nhiệt”, chất ô nhiễm khó phát tán lên cao và xa. Về mùa hè, mặt đất bị đốt nóng, không khí và chất ô nhiễm phát tán lên cao rồi được rửa trôi theo nước mưa. Các chất ô nhiễm thường tích tụ ở độ cao từ 150 - 200m và đạt mức độ cao nhất vào lúc tan tầm khi các gia đình đồng loạt đun nấu.

Ô nhiễm tiếng ồn cũng là một bài toán cho Thủ đô. Tại các đường phố chính trong đô thị, khu vực gần khu công nghiệp, tiếng ồn đều vượt ngưỡng quy chuẩn Việt Nam 70dba về ban ngày và 50dba về ban đêm, một số tuyến phố còn đạt tới ngưỡng 85 - 88dba. Các tuyến đường trục chính có các xe tải lớn đi qua, tiếng ồn do xe ô tô, xe máy bóp còi có thể đạt tới 90 - 95dba.

Nguồn gây ô nhiễm không khí được xác định chủ yếu là do hoạt động giao thông vận tải (chiếm 70%), còn lại là do sản xuất công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, sinh hoạt của người dân. Theo thống kê, hiện nay Hà Nội có khoảng 400 cơ sở công nghiệp, trong đó 147 cơ sở thải chất gây ô nhiễm vào không khí. Các khí thải chủ yếu 1 sinh ra do quá trình tiêu thụ than, xăng dầu, quá trình xử lý thô nguyên liệu trong sản xuất, v.v... Với mức độ tăng trưởng 10 - 15% lượng phương tiện giao thông hằng năm trong thời gian gần đây, khiến Hà Nội hiện có xấp xỉ 4,2 triệu xe máy, 300.000 ô tô. Đây chính là nguồn gây ô nhiễm không khí trên các tuyến đường giao thông, nhất là vào giờ cao điểm. Chất lượng phương tiện kém do đã qua sử dụng nhiều năm, đường sá chất lượng thấp, ý thức tham gia giao thông của người dân chưa cao cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí. Hà Nội có nhiều công trình xây dựng, cải tạo như khu vực Mỹ Đình, Thanh Xuân, v.v... cũng khiến cho môi trường không khí tại khu vực đó bị ô nhiễm nặng nề, tuy nhiên, đó chỉ là những ô nhiễm mang tính cục bộ. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người dân thủ đô xả chất thải rắn bừa bãi, lảng tránh lâu ngày khiến mùi hôi thối bốc lên gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Thói quen dùng bếp than tổ ong để đun nấu bởi giá thành rẻ cũng gây ảnh hưởng không nhỏ cho môi trường không khí, nhất là tại khu vực phố cổ dân cư tập trung đông đúc. Ngoài ra, các làng nghề như gốm Bát Tràng, Triều Khúc, các cơ sở thủ công nghiệp nhỏ, công nghệ lạc hậu nằm rải rác trong các ngõ xóm, khu dân cư cũng gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến bầu không khí chung.

1.2. Môi trường nước

- Nước mặt

Theo thống kê của Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Cộng đồng (CECR), năm 2010, Hà Nội có 120 hồ, ao, đầm, thủy vực lớn nhỏ trong sáu

quận nội thành gồm: Ba Đình, Tây Hồ, Hoàn Kiếm, Đống Đa, cầu Giấy và Hai Bà Trưng. Trong đó, kết quả khảo sát 80/120 hồ cho thấy, số hồ hiện có diện tích từ 1.000m² trở lên chiếm tới 76%, còn lại là các hồ hiện có diện tích dưới 1.000m², chiếm 23%. Hầu hết môi trường nước tại các ao hồ này đều bị ô nhiễm. Có tới 71% hồ có giá trị BOD₅ vượt quá QCVN 08:2008/BTNMT B₁ (> 15mg/l), 14% hồ bị ô nhiễm hữu cơ rất nặng, 32% hồ bị ô nhiễm nhẹ. Ngoài chỉ tiêu BOD₅, các chỉ tiêu khác như: nồng độ COD, NH₄⁺,... trong hầu hết các hồ cũng đều vượt QCVN 08:2008/BTNMT B₂. Các hồ như Hồ Tây, Thủ Lệ, Hoàn Kiếm, v.v. bị ô nhiễm chính là do chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học. Hiện tượng phú dưỡng nước hồ thường xuyên xảy ra. Hồ Tây và hồ Đống Đa có mức ô nhiễm nhẹ do hai hồ này có diện tích lớn và có khả năng tự làm sạch cao. Hồ Hoàn Kiếm đang có khả năng tự làm sạch dần, tuy nhiên, độ pH của nước hồ cao từ 8,1 - 10,2 so với mức quy chuẩn cho phép. Hồ Yên sở - “thùng chứa nước thải” của Hà Nội với việc chứa hơn 50% lượng nước thải của thành phố là hồ đang bị ô nhiễm nặng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của người dân. Mặc dù nhiều ao hồ nhưng Hà Nội mới chỉ có hai trạm xử lý nước thải là hồ Trúc Bạch và hồ Kim Liên.

Sông ngòi chảy qua khu vực Hà Nội đều trong tình trạng ô nhiễm cao như: Kim Ngưu, Tô Lịch, Sét, Lừ, Nhuệ, v.v...

Các con sông ở Hà Nội hằng ngày phải tiếp nhận trên 400.000m³ nước thải sinh hoạt và công nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý sơ sài. Kết quả quan trắc và phân tích mẫu nước theo các chỉ tiêu DO, BOD₅, COD, SS, coliform, NH₄⁺ đều vượt QCVN B đối với nước mặt, thậm chí có một số chỉ tiêu còn cao hơn nhiều lần. Ví dụ, tại sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu từ năm 2001 - 2009, chỉ số BOD₅ đều vượt QCVN, thậm chí vượt 2-3 lần vào các năm 2007 - 2008, khiến nước tại các sông có mùi rất khó chịu, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Diễn biến ô nhiễm nước hai con sông được minh họa trong Biểu đồ 12.

Các nguồn gây ô nhiễm nước mặt ở Hà Nội, bao gồm:

+ Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, kinh doanh dịch vụ hằng ngày không được xử lý đổ trực tiếp ra môi trường.

Phần lớn lượng nước thải sinh hoạt, khoảng hơn 800.000m³/ngày, với khoảng 250 tấn rác được thải tự phát, thiếu ý thức ra các sông, ngòi, hồ ao ở khu vực Hà Nội làm vượt quá khả năng làm sạch của chúng. Ngoài ra, nhiều nhà máy và cơ sở sản xuất như các lò mổ và bệnh viện tạo ra khoảng 7.000m³/ngày, trong số đó chỉ 30% lượng nước thải được xử lý. Hiện nay, Hà Nội chỉ có rất ít các trạm xử lý nước thải, gần đây nhất trạm xử lý nước thải Yên sở mới được bàn giao và đi vào hoạt động.

+ Hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề.

Mỗi năm Hà Nội tạo ra khoảng 260.000m³ nước thải công nghiệp, chỉ có 10% lượng nước này được xử lý rồi đổ trực tiếp vào sông, hồ, hệ thống tiêu thoát nước chung. Trong 107 cụm công nghiệp đang xây dựng chỉ có 7 cụm đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các cơ sở công nghiệp nhỏ, làng nghề cũng như sử dụng phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật trong nông nghiệp khu vực xung quanh Hà Nội cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm nước dưới đất của thành phố. Tháng 9-2013, đội phòng, chống tội phạm về môi trường thuộc Công an quận Long Biên đã phát hiện công ty Wash A.S.H xả thải bất hợp pháp nước thải chưa qua xử lý xuống sông Đuống.

+ Phát triển kết cấu hạ tầng và sử dụng đất đai chưa hợp lý.

Quá trình đô thị hóa và gia tăng nhanh dân số dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng đường sá, cầu công, nhà ở, v.v. ngày càng tăng, các khu vực ven hồ là mục tiêu lấn chiếm nhiều nhất. Nhiều ao, hồ đã bị san lấp để lấy đất xây dựng. Hồ Tây với diện tích khoảng hơn 500ha, chiếm gần 50% diện tích ao, hồ toàn thành phố nay chỉ còn trên 400ha. Cũng rơi vào tình trạng như vậy, hồ Linh Quang cũng từ diện tích 6ha giờ đã giảm xuống còn 5,2ha. Bê tông hóa bề mặt cộng với việc sử dụng đất tự phát không có ưu tiên, không có tính quy hoạch dẫn đến ô nhiễm nước mặt, tắc nghẽn hệ thống kênh mương thoát nước gây ngập úng nghiêm trọng. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cũ kỹ, chắp vá giữa khu cũ và khu mới, giữa lạc hậu và hiện đại. Chưa có hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa, v.v... Việc quy hoạch các trạm thu gom nước thải không khả thi dẫn đến lãng phí nguồn tài chính.

Thêm vào đó, việc tăng nhiệt độ cục bộ trong nội thành và biến đổi khí hậu làm cho các đặc tính vật lý và hóa học của nước bị thay đổi. Nhiệt độ tăng sẽ dẫn đến nồng độ CCL tăng lên, sự quang hợp của thực vật (tảo và cây thủy sinh) diễn ra mạnh hơn, hiện tượng nở hoa là điều sẽ xảy ra thường xuyên, sau đó chúng sẽ bị chết và lắng đọng xuống đáy, làm cho ô nhiễm tăng thêm. Lượng mưa tăng lên, lượng cacbon đưa xuống hồ nhiều hơn. Do hô hấp, các chất hữu cơ trong hồ lại thải nhiều khí CO₂ vào khí quyển hơn. Vòng tuần hoàn này làm tăng nguy cơ phá vỡ sự cân bằng hệ sinh thái tự nhiên của hồ.

- Nước dưới đất

Trữ lượng nước ngầm của Hà Nội có thể khai thác khá dồi dào chủ yếu nằm ở tầng chứa nước lỗ hổng không áp. Kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước cấp A+B khoảng 837.600m³/ngày. Chất lượng nước ngầm ở Hà Nội có thể đáp ứng tốt các tiêu chuẩn chủ yếu của nước sinh hoạt và ăn uống. Tuy nhiên, cũng có một số chỉ tiêu cao hơn QCVN 09:2008/BTNMT. Chẳng hạn, hàm lượng sắt ở các mẫu phân tích có thể lên tới 9,2mg/l, cao hơn quy chuẩn cho phép (< 5mg/l), hàm lượng mangan có thể lên tới 1,15mg/l đối với tầng qh cao hơn quy chuẩn cho phép (< 0,5mg/l); hàm lượng asen ở vùng ven sông Hồng có nơi đạt tới 0,33mg/l cao hơn quy chuẩn cho phép (< 0,05mg/l), phân bố không đều có chỗ cao, chỗ thấp; hàm lượng NH₄⁺ ở một số nơi, nhất là phía nam Hà Nội có nơi đạt tới 23,8mg/l cao hơn quy chuẩn cho phép 0,1mg/l v.v...; hàm lượng amoni trong nước của nhà máy nước Tương Mai là 7- 10mg/l, Hạ Đình 10-15mg/l, Pháp Vân 25-30mg/l vượt quy chuẩn cho phép (< 0,1mg/l). Các chỉ số này đều có thể được xử lý đạt quy chuẩn cho phép để sử dụng vào các mục đích khác nhau. Sự biến đổi của hàm lượng các chất này phụ thuộc vào đặc điểm địa chất, thủy văn của Hà Nội và tác động của con người, trong đó nổi bật là xả thải bừa bãi nước thải sinh hoạt, công nghiệp, làng nghề v.v... chưa qua xử lý vào môi trường khiến chúng ngấm dần xuống đất gây ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm.

Nguồn nước dưới đất của Hà Nội đang được khai thác mạnh dưới ba hình thức: khai thác tập trung (chiếm chủ yếu), khai thác công nghiệp đơn lẻ, khai thác ở nông thôn với trữ lượng khai thác ngày càng lớn, tổng lượng khai thác khoảng 785.231m³/ngày.

Việc khai thác nước ngầm chưa hợp lý, quá mức dẫn đến hạ thấp mực nước ngầm gây hiện tượng lún sụt ở Hà Nội. Kết quả quan trắc của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia cho thấy, mực nước ngầm sâu nhất tháng 11-2003 là 8,86m tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thậm chí lún sụt hình thành các phễu hạ thấp nước. Hiện tượng lún sụt cũng diễn ra tại nhiều nơi ở Hà Nội. Các số liệu quan trắc cho thấy, hiện tượng lún xảy ra rõ ràng và đáng kể nhưng không đều, phụ thuộc vào cấu trúc địa chất, tính chất cơ lý của các lớp đất và mực nước ngầm. Tại những khu vực có tồn tại lớp đất yếu, tốc độ lún bề mặt đất tương đối lớn như Thành Công là 41,42mm/năm, Ngô Sĩ Liên là 31,52mm/năm, Pháp Vân là 22,16mm/năm .v.v... Những trạm không tồn tại lớp đất yếu có tốc độ lún bề mặt nhỏ như Ngọc Hà là 1,80mm/năm, Mai Dịch là 2,65mm/năm, Đông Anh là 1,41mm/năm. Những trạm có vị trí gần sông Hồng có độ lún bề mặt đất nhỏ hơn vì mực nước ngầm được nước sông bù phụ một phần như Lương Yên là 18,83mm/năm; Gia Lâm là 10,33mm/năm. Ngoài nguyên nhân chính do khai thác nước dưới đất còn một số nguyên nhân khác như tăng tải trọng công trình, vận động kiến tạo v.v...

1.3. Chất thải rắn

Hà Nội là đô thị lớn, là trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước nên hằng năm cũng tạo ra phần lớn lượng chất thải rắn. Khối lượng chất thải rắn ở Thủ đô năm 2010 xấp xỉ 120 nghìn tấn/năm, năm 2005 là 45 nghìn tấn/năm, mức tăng trung bình 15%/năm. Lượng chất thải rắn sinh hoạt chiếm 60 - 70% chất thải rắn đô thị. Lượng chất thải rắn sinh hoạt năm 2011 ở Hà Nội đạt trên 6.500 tấn/ngày. Bình quân đầu người năm 1995, lượng chất thải rắn sinh hoạt 0,5 - 0,8kg/người/ngày, năm 2009 là 0,9kg/người/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt đa dạng bao gồm chất thải hữu cơ, vô cơ, giấy vụn, vải, nhựa v.v. trong đó đáng chú ý là tỷ lệ túi nilon siêu mỏng khó phân hủy ngoài tự nhiên. Chất thải rắn xây dựng chiếm khoảng 10-15% lượng chất thải rắn đô thị. Năm 2009, lượng chất thải rắn xây dựng tạo ra là 1.000 tấn/ngày, hầu hết được đổ thải tự phát¹. Năm 2009, chất thải rắn y tế ở Hà Nội phát sinh khoảng 5.000 tấn/năm, trong đó đáng lưu ý là chất thải rắn nguy hại chiếm 20 - 22%, chất thải rắn y tế thông thường chiếm 78 - 80%.

Chất thải rắn công nghiệp phát sinh chủ yếu từ các khu công nghiệp và cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trong nội thành. Hà Nội cũ, tổng lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các khu công nghiệp là 750 tấn/ngày, chất thải rắn nguy hại chiếm từ 13 - 15%³. Thống kê 9 khu công nghiệp của Hà Nội năm 2009 cho thấy, các khu công nghiệp tạo ra khoảng 125 tấn/ngày chất thải rắn công nghiệp, trong đó có 31 tấn/ngày chất thải rắn công nghiệp thông thường, còn lại 94 tấn/ngày là chất thải rắn công nghiệp nguy hại (chiếm 75,2%).

Chất thải rắn nguy hại chiếm 13 - 15% chất thải rắn phát sinh từ các khu công nghiệp, chiếm 1 - 2% chất thải rắn sinh hoạt, chiếm 20-22% chất thải rắn y tế. Việc thu gom, xử lý, tái chế được tiến hành từ lâu và đạt được hiệu quả nhất định. Năm 2010, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở nội thành đạt 95%, ngoại thành 60%. Chất thải rắn công nghiệp thu gom đạt 85 - 90%, chất thải rắn nguy hại 60 - 70%. Chất thải rắn y tế phần lớn được thu gom và vận chuyển đến cơ sở xử lý. Riêng đối với chất thải rắn nguy hại ở Hà Nội năm 2009 chỉ có 14 công ty được phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn nguy hại còn lại là do tự phát, không được cấp phép. Việc thu gom chất thải rắn ở đô thị còn gặp khó khăn do thiếu trang thiết bị, nguồn nhân lực, kinh phí, thói quen đổ thải, chưa có đủ bãi tập kết tạm thời, thu gom tiến hành ngay trên đường giao thông gây tắc nghẽn, mất vệ sinh, xe thu gom, cầu rác thường gây ra tiếng ồn lớn nên dễ bị người dân phản đối khi đặt các điểm cầu rác quanh nhà. Ngoài lực lượng thu gom từ công ty môi trường đô thị, có bộ phận không nhỏ người thu gom tự phát, thu, mua phế liệu, thức ăn thừa, tuy nhiên, hầu hết lực lượng này đều không được quản lý.

Việc xử lý, tái chế chất thải rắn ở Hà Nội còn hạn chế. Chỉ có một phần chất thải rắn sinh hoạt có thành phần hữu cơ được xử lý để sản xuất phân ủ compost nhưng các nhà máy sản xuất lại hoạt động kém hiệu quả do không tìm được đầu ra. Chưa có cơ sở tái chế chính thức nào được xây dựng biến chất thải rắn có khả năng tái chế thành các sản phẩm có ích cho xã hội. Hiện chỉ có một số cơ sở tái chế tự phát ở các tỉnh lân cận song các sản phẩm tạo ra cũng như quy trình tái chế còn mang tính thủ công và gây ảnh hưởng lớn cho môi trường. Các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội tạo ra lượng chất thải rắn lớn song việc xử lý còn rất hạn chế. Tại khu công nghiệp, một phần chất thải rắn được xử

lý bằng các lò đốt đơn giản, một phần được URENCO (Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội) vận chuyển, xử lý, phần còn lại được đem đi chôn lấp. URENCO Hà Nội xử lý từ 23 nghìn tấn năm 2007 lên 40 nghìn tấn năm 2009, trong đó khoảng 50% là chất thải rắn công nghiệp thông thường, 50% là chất thải rắn công nghiệp nguy hại. Xuất phát từ việc cả doanh nghiệp và người tiêu dùng chưa thực sự quan tâm tới xử lý chất thải rắn nên hằng năm, nhiều chủng loại hàng hóa bị đưa đến bãi rác mà không được xử lý. Có đến 68% chất thải rắn nguy hại được xử lý tại chỗ bằng phương pháp đốt, hoặc chuyển đến cơ sở đốt chất thải rắn nguy hại. Chất thải rắn y tế thông thường được vận chuyển tới các cơ sở xử lý tập trung của thành phố, phần còn lại đem đi chôn lấp tại các bãi rác công cộng. Hầu hết các bệnh viện lớn đều được trang bị lò đốt rác, tuy nhiên, việc vận hành chưa được hiệu quả, xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu như chi phí đầu tư, hiệu suất vận hành, chi phí xử lý khí thải lớn, giá nhiên liệu cao, v.v...

Phần lớn chất thải rắn đô thị cuối cùng được đem đi chôn lấp tại các bãi rác xung quanh Hà Nội. Đến nay Thủ đô chỉ có một số bãi rác đạt quy chuẩn vệ sinh môi trường như bãi rác Nam Sơn, v.v., các bãi rác còn lại của Hà Nội đang gây ra ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí nghiêm trọng cho dân cư xung quanh. Câu hỏi đặt ra là chất thải rắn chôn ở đâu khi các bãi rác này không còn khả năng chứa?

2. Hiện trạng công tác quản lý môi trường ở Hà Nội

2.1. Luật pháp và chính sách trong quản lý môi trường ở Hà Nội

Những năm gần đây, trên cơ sở luật pháp, chính sách do Quốc hội và Chính phủ ban hành, Hà Nội đã xây dựng, ban hành nhiều văn bản hướng dẫn đồng thời thực thi chính sách và luật pháp bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Thống kê trên website của sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, có 83 văn bản về quản lý môi trường đã ban hành. Các văn bản này điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế, quy trình sử dụng nguyên liệu trong sản xuất, v.v... Tuy nhiên, hệ thống văn bản của Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung vẫn còn chưa hoàn thiện, thống nhất, thiếu chi tiết, cụ thể, tính ổn định không cao, các văn bản hướng dẫn chưa được ban hành kịp thời, thậm chí

có nhiều nội dung phức tạp, khó triển khai trong điều kiện thực tiễn của Thủ đô v.v... làm hạn chế hiệu quả điều chỉnh. Việc tổ chức thực hiện các luật pháp, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật còn chưa nghiêm ngặt và chưa được thường xuyên thực hiện. Chẳng hạn, Chính phủ có chủ trương di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi thành phố, tuy nhiên, việc thực hiện diễn ra còn chậm chạp do cơ sở sản xuất chưa tìm được địa điểm xây dựng nhà máy, việc vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa khó khăn đẩy chi phí lên cao nên doanh nghiệp tìm mọi cách để trì hoãn, việc đôn đốc thực hiện của các cơ quan chức năng còn chưa thường xuyên, dứt khoát. Khu vực nội thành có 142 cơ sở sản xuất công nghiệp phải di chuyển do không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường nhưng đến tháng 11-2013, mới chỉ có 33 cơ sở thực hiện xong việc di dời. Công tác lập, thẩm định và đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư còn tồn tại nhiều bất cập và chưa được coi trọng đúng mức, thậm chí chỉ được tiến hành một cách hình thức, qua loa đại khái cho đủ thủ tục, dẫn đến chất lượng thẩm định và phê duyệt không cao.

Việc xử lý các vi phạm môi trường chưa kịp thời, chưa nghiêm minh nhất là các hành vi xả thải không đúng quy định. Trung bình hằng năm các đơn vị chức năng của Hà Nội tiến hành thanh tra, kiểm tra từ 200 - 300 cơ sở có dấu hiệu ô nhiễm môi trường; xử lý hình sự và khởi tố hàng chục vụ vi phạm, song từ thực tế kiểm tra cho thấy, việc chấp hành pháp luật về môi trường của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế, trong khi đó các quy định về xử phạt hành chính chưa đủ mức răn đe. Chẳng hạn, chế tài xử phạt hoạt động xả thải của các cơ sở công nghiệp tối đa 500 triệu đồng theo Nghị định số 117/2009/NĐ-CP của Chính phủ chưa đủ sức răn đe. Dự thảo nghị định mới thay thế cho nghị định này đang được soạn thảo nâng mức xử phạt vi phạm môi trường lên 2 tỉ đồng. Thực tế cho thấy, việc xử phạt vi phạm môi trường rất khó, cần bắt quả tang. Trong khi đó, hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước còn hạn chế cả về trang thiết bị và nhân lực, nên số vụ việc bị phát hiện và xử lý không nhiều. Đối với doanh nghiệp, chưa có cơ chế khuyến khích hoặc chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cơ sở chấp hành nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường .

Quyền hạn pháp lý của các tổ chức bảo vệ môi trường, nhất là của lực lượng cảnh sát môi trường chưa đủ mạnh nên hạn chế hiệu quả hoạt động nắm

tình hình, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Chế tài xử phạt đối với hành vi gây ô nhiễm và các loại tội phạm về môi trường vừa thiêu, vừa chưa đủ mạnh, dẫn đến hạn chế tác dụng phòng ngừa, răn đe đối với những hành vi xâm hại môi trường. Rất ít trường hợp gây ô nhiễm môi trường bị xử lý hình sự, các biện pháp xử lý khác như buộc phải di dời ra khỏi khu vực gây ô nhiễm, đình chỉ hoạt động của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường cũng không được áp dụng nhiều, hoặc có áp dụng nhưng các cơ quan chức năng thiếu kiên quyết nên cũng không có hiệu quả.

Cơ quan quản lý môi trường của Hà Nội bao gồm Sở Tài nguyên và Môi trường (trực thuộc ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội), Chi cục Bảo vệ môi trường (trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường), Phòng Tài nguyên và Môi trường (thuộc ủy ban nhân dân huyện, quận). Mặc dù đã có sự phân cấp quản lý từ trên xuống song đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, chuyên môn hạn chế nên hiệu quả thực hiện các luật pháp, chính sách còn hạn chế. Thêm vào đó, có sự không thông nhất trong việc phân công trách nhiệm quản lý nói chung giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố. Chẳng hạn, hồ Hoàn Kiếm cùng một lúc có bốn cơ quan quản lý dẫn đến khó khăn trong nạo vét, tu bổ. Theo số liệu khảo sát của Công ty Thoát nước Hà Nội, có 10 cơ quan quản lý các hồ ở Hà Nội. Do vậy, xảy ra tình trạng cơ quan này tập trung vào khai thác nhưng không chịu trách nhiệm bảo vệ, hoặc khai thác, sử dụng thiếu tổ chức, kiểm tra dẫn đến tình trạng ô nhiễm, ngập úng, lấn chiếm (tại các hồ Văn Chương, Linh Quang, Định Công, v.v... bị xây dựng lấn chiếm và đổ thải) v.v... Việc điều phối giữa các sở, ban, ngành trong xây dựng và môi trường chưa chặt chẽ dẫn đến hiện tượng đào lên, chôn xuống nhiều lần các công trình công cộng.

2.2. Sử dụng giải pháp kinh tế

Trong những năm gần đây, Hà Nội cũng tiến hành thu thuế, phí đối với nước thải, chất thải rắn. Phí thu với chất thải rắn được quy định trong Nghị định số 174/2007/NĐ-CP, do Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội đề xuất mức thu. Việc thu phí chất thải rắn đã được thực hiện khá bài bản song vẫn gặp phải một số vướng mắc từ phía người dân, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Một số hộ gia đình do khó khăn hoặc thiếu trách nhiệm đưa ra nhiều lý do để trốn tránh không chịu đóng phí, người lao động tự do từ các tỉnh lên không có chỗ ở cố định nên

khó tiến hành thu phí, chính quyền chưa thực sự sát sao trong việc kiểm tra, đôn đốc, v.v..

Hiện nay, Hà Nội cũng triển khai thu phí nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp. Phí nước thải sinh hoạt được tính vào giá nước cấp và do công ty kinh doanh nước sạch Hà Nội chịu trách nhiệm thu. Tuy nhiên, khu vực chưa có hệ thống nước sạch thì vẫn chưa thể thu được loại phí này. Mặc dù đóng phí nước thải song người dân còn băn khoăn về việc kinh phí này được sử dụng như thế nào trong bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân. Phí nước thải công nghiệp chỉ thu được từ 20 - 30% so với dự kiến xuất phát từ ý thức thấp của các doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nên họ không chịu kê khai, nộp phí.

Đầu tư cho nghiên cứu, phát triển công nghệ thân thiện với môi trường, bảo vệ môi trường còn hạn chế. Trong những năm qua, Quỹ bảo vệ môi trường Hà Nội đã hỗ trợ cho vay vốn một số dự án giảm thiểu ô nhiễm môi trường, điển hình là dự án sản xuất và chế biến đường Glucoza của Công ty Thực phẩm Minh Dương, dự án xử lý rác phía tây Hà Nội của Công ty Thành Phương, dự án xây dựng lò đốt công nghiệp của Công ty Môi trường đô thị Hà Nội. Theo sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, năm 2012, Hà Nội dành khoảng 300 tỉ đồng cho quỹ bảo vệ môi trường, vốn đã cấp là 145 tỉ đồng, vốn sử dụng cho vay là 66 tỉ đồng. Năm 2013, quỹ phê duyệt và cho 22 dự án bảo vệ môi trường vay vốn 73 tỉ đồng. Lãi suất và kinh phí được ưu tiên cho các dự án xây, lắp còn các hạng mục khác nguồn kinh phí rất hạn hẹp, thậm chí không có kinh phí để thực hiện.

2.3. Giáo dục, tuyên truyền về bảo vệ môi trường

Hà Nội cũng như nhiều thành phố lớn khác khá quan tâm tới công tác bảo vệ môi trường. Nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục, xã hội hóa bảo vệ môi trường đã được tổ chức và thu hút đông đảo lực lượng tham gia từ thanh thiếu niên, học sinh đến cựu chiến binh, v.v.. Chẳng hạn, chương trình Ngày hội môi trường cho học sinh do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức vào tháng 6-2013; chương trình tuyên truyền bảo vệ môi trường do Hội Cựu chiến binh Hà Nội thực hiện điểm ở một số quận; giáo dục môi trường cho học sinh trung học cơ sở tại Hoàng thành Thăng Long năm 2011; trong nhà trường, học sinh được

học bảo vệ môi trường lồng ghép thông qua các môn học tự nhiên và xã hội, v.v.. Dự án tổng hợp mang tên “Ứng xử với môi trường bằng văn hóa người Hà Nội” được Hà Nội phê duyệt trong đó nhấn mạnh tới công tác truyền thông, giáo dục về môi trường phải được đặc biệt coi trọng, nhằm tạo ra ý thức và cách ứng xử tốt của con người đối với thiên nhiên, môi trường. Các nội dung chính được triển khai bao gồm tổ chức cuộc thi “Góp ý tưởng cho một Hà Nội xanh” trong học sinh, sinh viên; tổ chức thường niên chương trình “Mùa xuân trồng cây theo lời Bác Hồ dạy”; biên soạn, in ấn một số tài liệu với nội dung giáo dục bảo vệ môi trường dành cho học sinh phổ thông; thiết kế, treo băng rôn, khẩu hiệu, áp phích, v.v. cổ động về phòng, chống ô nhiễm môi trường. Website www.moitruongxanh.org.vn được xây dựng và đã trở thành một trang thông tin điện tử uy tín trong lĩnh vực môi trường, v.v..

Mặc dù giáo dục, tuyên truyền về bảo vệ môi trường đã được chú trọng song sự gia tăng nhanh chóng của dân cư đô thị và nhận thức cộng đồng chưa cao nên việc bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế. Người dân chưa phát huy được ý thức tự giác, trách nhiệm trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường. Họ vẫn tự ý xả thải, lấn chiếm hệ thống sông, hồ, đường phố. Học sinh được tiếp thu nhiều kiến thức về giáo dục môi trường song việc thực hành trên thực tế còn nhiều hạn chế, v.v..

Các cấp chính quyền còn chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ môi trường, dẫn đến buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát về môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường của các cơ quan chức năng đối với các cơ sở sản xuất dường như vẫn mang tính hình thức, hiện tượng “phạt để tồn tại” còn phổ biến.

2.4. Quy hoạch, hoàn thiện kết cấu hạ tầng, giao thông đô thị

Hà Nội khi định hình là Thủ đô đã có hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, dịch vụ văn minh, tiện ích, song do xây dựng từ thời Pháp thuộc và sự gia tăng quá mức của dân số nên đang phải đối mặt với tình trạng quá tải, xuống cấp. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, mật độ dân số trung bình năm 2012 của Hà Nội là 2.059 người/km², trong khi công tác quy hoạch vẫn còn nhiều hạn chế. Một số hạng mục được quy hoạch đồng bộ song

việc thực hiện lại tiến hành riêng lẻ nên xảy ra hiện tượng đường vừa làm xong lại đào lên để làm đường thoát nước, cáp dây điện v.v..

Theo thống kê, quỹ đất dành cho giao thông của Hà Nội là 7% năm 2008 và 8,15% năm 2013, trong khi các thành phố lớn ở châu Á ở mức 15 - 18%. Mật độ đường giao thông chỉ đạt 3,89km/km². Kết cấu hạ tầng lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống. Mạng lưới đường giao thông chưa hợp lý, thiếu tính khoa học nên liên tục xảy ra ùn tắc. Giao thông công cộng mới đáp ứng được chưa quá 15% nhu cầu đi lại. Phương tiện giao thông cá nhân tăng lên nhanh chóng, cộng thêm với ý thức của người điều khiển phương tiện giao thông chưa cao khiến cho tình trạng ùn tắc, tai nạn, ô nhiễm môi trường không khí diễn ra trầm trọng.

Hệ thống cấp, thoát nước ở Hà Nội đang bị quá tải, xuống cấp nghiêm trọng. Tỷ lệ cấp nước sạch trong nội thành còn thấp, chỉ đạt 70 - 80%, chất lượng dịch vụ cấp nước chưa ổn định. Hệ thống cấp nước chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tỷ lệ thất thoát nước lớn. Trong khi đó hệ thống thoát nước đang trong tình trạng đáng báo động, chỉ đáp ứng khoảng 35 - 40% nhu cầu thoát nước. Hiện tượng ngập úng cục bộ liên tiếp xảy ra trong những năm qua. Thêm vào đó là việc san lấp hồ, ao, kênh, rạch để xây dựng nhà ở mà không tính đến hệ thống thoát nước cũng làm cho tình trạng ngập úng càng trầm trọng hơn. Ví dụ, Khu đô thị Ciputra dự kiến phải có một số hồ thoát nước nhưng thực tế chủ đầu tư không đào bất cứ hồ nào, tình trạng tương tự xảy ra ở Khu đô thị Mỹ Đình, Yên Hòa, v.v...

Một số sông, hồ, kênh rạch trong nội thành đã được nạo vét, kè đá, cải tạo tách nước thải song vẫn còn nhiều hồ thoát nước chưa được cải tạo, các chỉ số ô nhiễm vượt nhiều lần cho phép. Các hồ được cải tạo thì nằm trong khu dân cư đông đúc mặc dù không còn hiện tượng đổ nước thải, chất thải rắn xây dựng song việc đổ trộm chất thải rắn, nước thải sinh hoạt vẫn diễn ra.

Tỷ lệ diện tích cây xanh của Hà Nội còn quá ít, mới chỉ đạt khoảng 2m²/người. Theo TCXDVN 362:2005/BXD, đối với đô thị đặc biệt như Hà Nội, tỷ lệ đất cây xanh công cộng là 12-15m²/người, trong đó đất cây xanh công viên 7-9m²/người, cây xanh vườn hoa 3-3,6m²/người, đất cây xanh đường phố 1,7-

2,0m²/người. Thành phố Hà Nội cũng như Thành phố Hồ Chí Minh chưa có quy hoạch rừng cây giữa đô thị như ở Tôkyô hay Kyôto, mới chỉ có một số công viên, vườn bách thảo nằm rải rác trong các quận nội thành.

Đất sau khi di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp từ nội thành ra ngoại thành lại được sử dụng để xây dựng nhà ở, khách sạn, trung tâm thương mại làm tăng mật độ dân cư trong lõi đô thị, càng làm cho vấn đề ô nhiễm và suy thoái môi trường ở nội đô trầm trọng hơn. Thêm vào đó, việc quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp cũ chưa tính đến việc bảo vệ môi trường đã gây nên hậu quả khó giải quyết cho đến bây giờ.

Quy hoạch các khu đô thị mới ở Hà Nội đều tận dụng đất đai nhằm xây dựng nhà ở thu lợi mà chưa quan tâm đến các công trình cây xanh, vườn hoa, không có hệ thống xử lý nước thải tập trung nên phát sinh ô nhiễm môi trường. Như đã biết, đồng thời với việc ban hành Luật Thủ đô, Hà Nội đã xây dựng và công bố bản đồ quy hoạch chi tiết không gian thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, những khiếm khuyết nêu trên dường như đã được nhìn thấy. Đây là cơ sở quan trọng giúp Hà Nội hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Thủ đô kết hợp với bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

3. Những bất cập và thách thức trong hoạt động quản lý môi trường hiện nay

Từ việc phân tích hiện trạng môi trường và công tác quản lý môi trường đã và đang áp dụng tại đô thị ở nước ta trong những năm gần đây, đặc biệt là tại Hà Nội cho thấy, các đô thị nước ta đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, nước, chất thải rắn. Việc quản lý môi trường đã nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, nhận thức của người dân đã tăng lên, hệ thống tổ chức và các giải pháp quản lý đã được vận dụng tương đối có hiệu quả. Đáng lưu ý là, việc ban hành và thực thi các giải pháp quản lý môi trường đô thị ở Việt Nam nói chung và ở Hà Nội nói riêng trong những năm gần đây gắn liền với các đặc điểm địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội, nhờ đó nhiều vấn đề bức xúc về môi trường đô thị đã được xử lý. Tuy nhiên, hoạt động quản lý môi trường vẫn còn nhiều bất cập và thách thức, nhất là trên các phương diện sau đây:

Thứ nhất, luật pháp, chính sách còn chồng chéo, khó triển khai, việc thực hiện ở các cấp, các ngành, doanh nghiệp, người dân, nhất là ở khu vực đô thị còn chưa nghiêm túc, hiệu quả. Các chính sách bảo vệ môi trường chưa được các Bộ, ngành quan tâm một cách đúng mức, việc phân cấp trách nhiệm thực thi giữa các cơ quan quản lý còn chưa thông nhất. Các văn bản dưới luật hướng dẫn bảo vệ môi trường chưa đồng bộ dẫn đến hiện tượng doanh nghiệp, nhà thầu, nhà thi công lách luật. Một số văn bản đã được ban hành và tổ chức thực hiện nhưng tính khả thi chưa cao, chưa phù hợp với tình hình thực tế và cần tiếp tục nghiên cứu chỉnh sửa. Việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý môi trường đối với các vấn đề nóng về môi trường, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường là công việc cần thiết song hoạt động này chưa được chú trọng đúng mức.

Thứ hai, nhiều giải pháp kinh tế đã được thực thi nhưng chưa được doanh nghiệp, người dân hưởng ứng, nhất là trong giai đoạn kinh tế khủng hoảng như hiện nay.

Thứ ba, giáo dục, truyền thông về môi trường đã được chú trọng song còn nặng tính lý thuyết, thiếu thực hành hoặc việc tổ chức tuyên truyền trong cộng đồng chưa liên tục, thường xuyên, kịp thời.

Thứ tư, công nghệ, kỹ thuật, hợp tác quốc tế và một số giải pháp khác đã được Việt Nam thực hiện trong quản lý môi trường đô thị song việc đầu tư kinh phí còn ít, thiếu nguồn nhân lực thực hiện và giám sát. Công tác quy hoạch đô thị, quy hoạch môi trường đã được thực hiện song hiệu quả bảo vệ môi trường chưa cao.

4. Một số đề xuất nhằm quản lý môi trường đô thị tại Việt Nam:

Trên cơ sở phân tích hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường của Hà Nội và đúc rút những kinh nghiệm quản lý từ Nhật Bản, điển hình là thành phố Tôkyô, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp quản lý môi trường cụ thể cho Hà Nội. Xét về tổng thể những giải pháp đề xuất để quản lý môi trường đô thị Việt Nam đã bao hàm các giải pháp quản lý môi trường cho Hà Nội. Tuy nhiên, do Hà Nội vừa là Thủ đô, vừa là trung tâm kinh tế, văn hóa, hợp tác quốc tế lớn của cả nước nên trong đề xuất chúng tôi nhấn mạnh một số điểm, bao gồm:

Thứ nhất, cần thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường

Bên cạnh việc tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường ở tầm quốc gia nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng xấu đến môi trường, Hà Nội cần tăng cường hiệu lực của hệ thống luật pháp, chính sách về môi trường, ở tất cả các cấp, trong đó cần đặc biệt lưu ý đến thực hiện nghiêm chế tài xử phạt các đối tượng vi phạm trong thành phố. Để làm được điều này, kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, Hà Nội cần cụ thể hóa một số công việc dưới đây:

- Tổ chức giám sát, thanh tra hoạt động bảo vệ môi trường thường xuyên, bên cạnh việc phát huy nòng cốt là thanh tra môi trường, cảnh sát môi trường cần phát huy vai trò của người dân, chính quyền địa phương trong việc phát hiện, giám sát các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Chính quyền, sở Tài nguyên và Môi trường, các doanh nghiệp hoạt động tại Hà Nội cần thực hiện nghiêm túc lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi thành phố. Bên cạnh việc thúc đẩy quá trình di dời, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước cần tìm ra những vướng mắc riêng của từng cơ sở để có biện pháp giải quyết kịp thời. Có chính sách khuyến khích các cơ sở sử dụng trang thiết bị, máy móc công nghệ thân thiện với môi trường. Đối với các cơ sở vẫn còn trong nội thành phải tiến hành xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn đảm bảo trước khi thải ra môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, các đơn vị trực thuộc và các bộ phận phụ trách quản lý môi trường trong các nhà máy, các khu công nghiệp cần xây dựng đồng bộ và hoạt động tích cực, có hiệu quả. Chính quyền thành phố phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và người dân trong việc phát hiện, giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm về môi trường và thực hiện các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Hiện nay, trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp ở thành phố chưa đồng bộ, vừa thừa vừa thiếu cho nên cần coi trọng việc nâng cao trình độ và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý. Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan hành chính quận, phường, xã v.v... trong quản lý môi trường không khí, nước, chất thải rắn, v.v...

- Thực hiện hiệu quả chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, hướng tới xây dựng một thủ đô thân thiện với môi trường (60% diện tích là vùng xanh) thông qua việc hoàn thành tốt, sớm các mục tiêu đã được đưa ra như: giá trị sản phẩm ngành công nghệ cao, công nghệ xanh trong GDP là 42 - 45% trở lên; giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8 - 10% (so với năm 2010); giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng khoảng 20%; diện tích cây xanh đô thị đạt 10 - 12m/người; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh mới áp dụng công nghệ thân thiện môi trường hoặc trang bị các thiết bị xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; trên 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất và các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn trong ngày ở nội thành đạt 100%, ngoại thành đạt trên 95% v.v... Để thực hiện điều này, Hà Nội cần có chính sách xây dựng và bảo vệ nghiêm ngặt vành đai xanh, bảo tồn, giữ gìn các hồ nước, không thực hiện các dự án phát triển hạ tầng quy mô hàng nghìn hecta ngoài vành đai 4 để bảo vệ vành đai xanh của Thủ đô. Chính sách đô thị hóa gắn liền với bảo tồn di sản và giữ gìn cảnh quan, đặc biệt là những di sản có niên đại hàng nghìn năm. Xây dựng và bảo vệ sông, hồ để vừa thực hiện tưới tiêu, thoát nước mưa, trở thành các khu vui chơi, thư giãn cho người dân. Phát triển vành đai giao thông xanh trong đô thị, giảm thiểu ô nhiễm do sinh hoạt hằng ngày của người dân. Có chính sách khai thác và sử dụng nước ngầm hợp lý, sử dụng nguồn thay thế, nhất là nguồn nước sạch từ Sông Đà. Có chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân Hà Nội v.v... Trong cơ cấu kinh tế chú trọng hơn tới dịch vụ, du lịch hướng tới bền vững và thân thiện với môi trường. Chẳng hạn, phát triển du lịch xanh, du lịch môi trường, du lịch truyền thống v.v...

Thứ hai, quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng một cách thông minh theo hướng tiết kiệm năng lượng

Quy hoạch đô thị cần mang tính tổng thể, dài hạn nhưng cũng phải chi tiết, có tính khả thi, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và chiến lược phát triển của vùng. Việc quy hoạch, thiết kế các công trình cần theo hướng đa mục đích, tiết kiệm năng lượng, ít phát thải. Hiện nay, Hà Nội đã có một số

đường phố, công viên xanh song song với yêu cầu của một thành phố xanh, sạch, đẹp thì chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong quy hoạch xây dựng cần tính đến vỉa hè đường phố không chỉ dành cho người đi bộ mà còn cho cả người đi xe đạp, người tàn tật, dưới lòng đường chỉ dành cho người đi xe máy, ô tô (Tôkyô là thành phố điển hình thực hiện theo phương thức này). Từng bước xóa nạn rác trên không bao gồm các loại dây điện chằng chịt để đảm bảo tính thẩm mỹ và nhu cầu bảo vệ môi trường.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần phải có quy hoạch đồng bộ và chi tiết về sử dụng đất, nước, không gian của Hà Nội. Quan tâm đúng mức tới chức năng của ao, hồ, cây xanh đường phố. Đối với nước ngầm, cần phải có quy hoạch khai thác, khoanh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước ngầm, tăng cường vai trò của các công ty chuyên ngành trong quản lý khai thác nước. Đối với các khu công nghiệp, cần xây dựng liên hoàn, chú trọng tới mật độ cây xanh để đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường. Các cơ sở sản xuất cũ gây ảnh hưởng tới môi trường cần phải kiên quyết di dời ra khỏi nội thành hoặc ngừng sản xuất.

Kết hợp quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng với việc giãn dân nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và hài hòa với môi trường tự nhiên. Các khu đô thị mới có xu hướng dịch chuyển ra các địa bàn khu vực ngoại thành nhằm giảm áp lực mật độ cho khu vực trung tâm. Các khu chung cư cũ cần đầu tư sửa chữa hoặc xây mới. Khu vực xây đô thị mới cần xem xét tới yếu tố kết cấu đất nền trong vùng có thuận lợi để xây dựng các công trình như khu vực Đông Anh, Mê Linh, Mỹ Đình, v.v... Mục đích của việc làm này nhằm hạn chế hiện tượng lún sụt có thể xảy ra cũng như ô nhiễm môi trường nước cục bộ.

Hệ thống đường giao thông cần được nghiên cứu và phân luồng, điều tiết hợp lý tránh hiện tượng ùn tắc. Đường giao thông đã xuống cấp cần sửa chữa, cải tạo lại. Phát triển hệ thống giao thông công cộng hợp lý, văn minh như xe buýt, tàu điện ngầm, trong đó nhấn mạnh hơn cả tới vai trò của hệ thống xe buýt. Có biện pháp khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông xanh, tiết kiệm năng lượng, ít gây ô nhiễm. Phát triển đường vành đai đô thị, đưa các bến xe khách ngoại tỉnh ra khỏi trung tâm thành phố. Có thể tận dụng tối đa việc sử dụng không gian ngầm đối với đường giao thông, cửa hàng, khu để xe, nơi chứa chất thải độc hại, v.v... trong khu vực đô thị.

Hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch, tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng thay thế cho nhiên liệu truyền thống trong sinh hoạt hằng ngày.

Thứ ba, sử dụng giải pháp kinh tế một cách linh hoạt

Phí và thuế môi trường phải được sử dụng một cách linh hoạt ở Hà Nội. Phí chất thải rắn cần quy định mức đóng chi tiết cho nhiều đối tượng khác nhau. Mức đóng phí cũng khác nhau cho từng đối tượng xả thải.

Chẳng hạn, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp, v.v... kinh doanh các lĩnh vực ngành nghề khác nhau thì mức đóng phí khác nhau. Tiếp tục đánh thuế các phương tiện giao thông như thuế đăng ký, thuế chuyển quyền sở hữu, thuế nhiên liệu, v.v...

Ưu tiên đầu tư cho công nghệ bảo vệ môi trường thông qua thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, mua phát minh sáng chế v.v... phát triển thị trường công nghệ môi trường.

Các doanh nghiệp chú ý nhiều hơn đến việc tái chế và xử lý ô nhiễm trong quá trình sản xuất, điều đó vừa giúp doanh nghiệp chống lãng phí vừa bảo vệ môi trường tự nhiên. Có thể cụ thể hóa điều này bằng việc đầu tư thích đáng cho hậu mãi, dịch vụ sau khi bán hàng tại Hà Nội.

Thứ tư, tăng cường giáo dục, truyền thông, nâng cao ý thức trách nhiệm với môi trường, xây dựng lối sống thanh lịch của người dân Thủ đô

Mặc dù giáo dục môi trường đã được chú trọng song việc nâng cao ý thức của người dân cần tiến hành thường xuyên, đa dạng hơn bằng nhiều hình thức khác nhau. Bởi việc chuyển đổi tâm thức của con người từ nông dân với lối sống tùy tiện, nếp nghĩ, lề thói tư lợi tụn mủn, tiểu nông sang cư dân thành thị với nếp sống văn minh hiện đại cần thời gian và nỗ lực, nhất là trong việc bảo vệ môi trường. Đối với các nhà lãnh đạo, việc nâng cao nhận thức về môi trường và thể hiện vai trò gương mẫu của mình trong việc thực hiện các chính sách là một trong những nét đặc trưng của văn hóa quản lý. Người dân đô thị từ già tới trẻ đều phải được tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với môi trường, đặc biệt là trong việc xả thải. Trong đó chú ý nhiều hơn cả tới tuyên truyền cho tiểu thương buôn bán tại các chợ, gánh hàng rong, hàng quán ven

đường. Nâng cao ý thức chấp hành luật lệ của người tham gia giao thông để tránh ùn tắc, gây ô nhiễm môi trường cục bộ.

Xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường trên cơ sở đổi mới tư duy, cách làm, hành vi ứng xử và trách nhiệm với môi trường của người dân Thủ đô. Khơi dậy nét văn hóa lịch sự, tao nhã - nét văn hóa đô thị đặc trưng - của người Tràng An. Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, xây dựng phương pháp học thông minh, học đi đôi với hành để bảo vệ môi trường trên địa bàn Hà Nội.

